

Số: 59/BC-PCLB

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014.

Thực hiện công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09/2/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Lạng Sơn báo cáo như sau:

1. Các Kế hoạch thực hiện đã phê duyệt:

- Năm 2009 chưa ban hành kế hoạch.
- Năm 2010 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 19/3/2010 về thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020 (Đề án 1002).
- Năm 2013 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 26/8/2013 về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” năm 2014.
- Năm 2013 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2014; trong đó có nội dung triển khai thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND vào năm 2014.

2. Kết quả 05 năm thực hiện: Như phụ lục kèm theo.

3. Đánh giá quá trình thực hiện:

a) Từ năm 2010 đến năm 2013 tỉnh chưa có kinh phí để triển khai thực hiện Đề án.

Các phần việc của Hợp phần 01 (Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động QLTTCD) như: Xây dựng các văn bản pháp luật, triển khai các hoạt động QLTTCD ở các cấp, xây dựng các tài liệu về chính sách, cơ chế thực hiện QLTTCD, xây dựng hệ thống đào tạo về QLTTCD thống nhất ở các cấp...) và của Hợp phần 02 (Tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cho cộng đồng về QLTTCD) bắt đầu được triển khai nhưng chưa ban hành được.

Thực hiện nội dung trong Hợp phần 01 tỉnh chỉ cử được 23 học viên tham gia các lớp tập huấn do Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (trực thuộc

Tổng cục Thủy lợi) tổ chức tại Bắc Cạn và Lạng Sơn và thực hiện công tác hoàn thiện bộ máy phòng, chống và quản lý thiên tai của cơ quan chuyên trách các cấp, các ngành.

b) Năm 2014 Đề án được bố trí kinh phí để thực hiện là 400 triệu đồng, trong đó ưu tiên cho triển khai tập huấn đội ngũ tuyên truyền viên cấp huyện và thành phố. Đã triển khai được 04 lớp, tập huấn được cho 120 người của 10 huyện và thành phố Lạng Sơn; 02 lớp cấp xã (xã Hùng Sơn, huyện Tràng Định; xã Tân Việt, huyện Văn Lãng) theo kế hoạch của Tổng cục Thủy lợi cho 40 người. Mục tiêu là đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai cấp cơ sở, nâng cao kiến thức, hiểu biết chung về thiên tai, đặc biệt là các dạng thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh như bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, lốc... và biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực chủ động ứng phó với thiên tai của các cấp chính quyền và cán bộ làm công tác phòng chống, lụt bão cấp huyện, xã, nắm vững nội dung cơ bản và áp dụng thực tiễn phương châm "bốn tại chỗ" trong phòng, chống thiên tai. Qua tập huấn về quản lý RRTT-DVCD nhóm hỗ trợ kỹ thuật của các huyện, thành phố đã nắm được kiến thức cơ bản về tuyên truyền Luật Phòng chống thiên tai, hỗ trợ cán bộ xã sử dụng được kết quả đánh giá RRTT-DVCD để xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cho địa phương mình.

Nhìn chung trong quá trình tổ chức thực hiện Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã quan tâm phối hợp nhiệt tình và luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các lớp tập huấn diễn ra đạt kết quả tốt nhất.

4. Khó khăn, vướng mắc:

a) Tổ chức:

Nội dung của Đề án rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, rất nhiều công việc đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu và điều tra cơ bản, thu thập thông tin (đặc biệt là nội dung của Hợp phần 02 của Kế hoạch)... vì thế chưa thể triển khai được ngay.

b) Về đầu mối:

Đối với cấp tỉnh việc triển khai thực hiện Đề án được giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT là đầu mối, có sự phối hợp của các Sở, ngành liên quan như Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh; đối với cấp huyện, việc triển khai cũng giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT là đầu mối. Thực tế cơ quan đầu mối chủ động thực hiện là chính, các cơ quan được giao nhiệm vụ phối hợp không tham gia được nhiều; cấp huyện thiếu nhân lực để triển khai thực hiện.

c) Về tài chính:

Ngân sách nhà nước trong những năm qua khó khăn nên từ năm 2010-2013 không bố trí đầu tư cho Đề án được; năm 2014 cấp tỉnh bố trí được 400 triệu đồng, cấp huyện chỉ bố trí đủ kinh phí để duy trì đội ngũ làm việc chuyên trách.

d) Các vấn đề khác:

- Nguồn tài liệu thiếu, đội ngũ tuyên truyền viên các cấp đều là kiêm nhiệm nên không được cập nhật kiến thức một cách thường xuyên.

- Đội ngũ giảng viên cấp tỉnh qua các đợt tập huấn gian đoạn 2010-2012 đến nay đã có 23 người nhưng hiện nay đã có chuyển công tác, việc huy động trở lại rất khó khăn.

- Do kinh phí của tỉnh hạn chế nên Đề án chưa được thực hiện rộng rãi và đặc biệt việc triển khai tập huấn xuống các xã còn ít (toàn tỉnh có 226 xã, trong đó chỉ có 02 xã được tập huấn theo kế hoạch của Tổng cục Thủy lợi).

5. Đề xuất, kiến nghị và định hướng cho giai đoạn tiếp theo:

a) Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị Trung ương, Nhà tài trợ, các đối tác liên quan khác... hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" đến năm 2020.

- Đề nghị Trung ương cho tỉnh Lạng Sơn tham gia vào dự án Nâng cao an toàn hồ chứa thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

b) Định hướng cho giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục công tác đào tạo, tập huấn đối với đội ngũ tập huấn viên cấp huyện và nhóm hỗ trợ kỹ thuật cộng đồng cấp xã có thể tự xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương ở cộng đồng.

- Tổ chức tuyên truyền về quản lý rủi ro thiên tai.

- Trang bị công cụ hỗ trợ công tác quản lý thiên tai cho các cơ quan, chính quyền các cấp tại địa phương và bộ công cụ giảng dạy cho đội ngũ giảng viên nông cốt.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo, truyền tin sớm về thiên tai trong cộng đồng.

- Hướng dẫn cộng đồng xây dựng kế hoạch hằng năm về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn cộng đồng xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có lồng ghép kế hoạch phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đánh giá giám sát các hoạt động triển khai Đề án theo hướng dẫn của Bộ nông nghiệp và PTNT.

Trên đây là báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" giai đoạn 2009-2015 của tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- UBND tỉnh (báo cáo)
- Sở Nông nghiệp & PTNT (B/C)
- Trung tâm Phòng tránh và GNTT;
- Lưu: VT, PCLB.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Hoàng Văn Tam



PHỤ LỤC 6
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH_TỈNH LẠNG SON

LƯU BẢO PHẦN 1. Chỉ số						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (0)			
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (0)			
Chỉ số 2A	Số lượng tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có	Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 19/3/2010		
Chỉ số 2B	Số lượng tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có			
Chỉ số 3	Tỉ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tình có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Chưa có			Cơ cấu tổ chức thực hiện Đề án được xác định theo tài liệu Hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đưa vào công đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Tổng cục Thủy lợi) phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	0 %	<không có>		TCTL-DD ngày 22/8/2011. <Liệt kê các huyện đã có hệ thống thực hiện Đề án>
	Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	0 %	<không có >		<Liệt kê các xã đã có hệ thống thực hiện Đề án>
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	02	Huyện A:		
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	0	Huyện B:		
					
			Xã A:		
			Xã B:		
					
			Xã A:		
			Xã B:		
					
			Nam: 01		
			Nữ: 01		
			Nam: 21		
	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	02		0,08%	
	Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên	25			

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
		tại (5A2)		Nh: 04			
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	22 người	Huyện Tràng Định 02	Thực hiện theo kế hoạch năm 2014 tổ chức được 04 lớp tập huấn cho các huyện, TP (tổng số người được đào tạo là 120 trong đó số người làm trực tiếp công tác PTTT trung bình mỗi huyện 02 người kiêm nhiệm)	
					Huyện Văn Lãng 02		
					TP Lạng Sơn 02		
					Huyện Chi Lăng 01		
					Huyện Hữu Lũng 01		
					Huyện Cao Lộc 02		
					Huyện Bắc Sơn 04		
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện Bình Gia 01	Tổng số cán bộ đã được đào tạo của 02 xã là 40 người	
					Huyện Văn Quan 02		
					Huyện Lộc Bình 03		
					Huyện Đình Lập 02		
					Huyện Tràng Định	Xã Hùng Sơn 02 người	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	QLRRTT-DVCD			Huyện Văn Lãng	theo chương trình của Tổng cục Thủy lợi (người trực tiếp làm công tác PTTT thì có 02 người kiêm nhiệm)
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	26	Nam: 21	Xã Tân Việt 02 người	Đội ngũ cán bộ giảng viên cấp tỉnh sau khi được đào tạo hiện giờ đang công tác tại đơn vị. Khi cần tỉnh có thể huy động được.
			Nữ: 05		
		26	Nam: 21		
			Nữ: 05		
Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	120	Huyện Trảng Định 15	Thực hiện theo kế hoạch năm 2014 tổ chức được 04 lớp tập huấn cho 11 huyện, TP
				Huyện Văn Lãng 15	
				TP Lạng Sơn 06	
				Huyện Chi Lăng 08	
				Huyện Hữu Lũng 08	
				Huyện Cao Lộc 08	
				Huyện Bắc Sơn 10	
				Huyện Bình Gia 10	
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện Văn Quan 10	
				Huyện Lộc Bình 15	
				Huyện Đình Lập 15	
				Huyện Tràng Định	
				Xã Hùng Sơn 20	
				Định	người

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)		Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)		(6)
				40	Huyện Văn Lãng	Xã Tân Việt 20 người	
		Số lượng thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6D1)	Số lượng	Nam: Nữ:			Không có Quyết định thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh, huyện (khi thực hiện sẽ điều động đội ngũ đã được đào tạo theo danh sách cử đi học của tỉnh)
		Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Nam: Nữ:			
Chỉ số 6D= 6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	Xã A: Xã B:	Hiện nay chưa có huyện nào tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Chưa có kinh phí thực hiện
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	Xã A: Xã B:	Hiện nay chưa có xã nào tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Chưa có kinh phí thực hiện
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm công đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm công đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	Xã A: Xã B:	Hiện nay chưa có xã nào tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Chưa có kinh phí thực hiện

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng			Khi có thiên tai các xã có tổ chức tuyên truyền, cảnh báo về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	Đã tổ chức tuyên truyền, cảnh báo về phòng, chống thiên tai bằng hình thức phát tờ rơi, poster, áp phích, đăng tải trên báo, trên các phương tiện thông tin đại chúng.
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm	0			Chưa có kinh phí để diễn tập hàng năm
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có			Theo bộ tài liệu của Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100%	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và	Số lượng			<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và

Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	PTNT/TCCTL ban hành để tập huấn	ban hành để tập huấn (10B1) Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10B2)	Số lượng			PTNT/TCCTL ban hành để tập huấn tên tài liệu đã được sử dụng>
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCCTL ban hành để tập huấn (10C1)	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCCTL ban hành để tập huấn (10C1)	Số lượng			<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCCTL ban hành để tập huấn tên tài liệu đã được sử dụng>
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có			
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100 %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11B1) Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11B2)	Số lượng			<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100 %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11C1) Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11C2)	Số lượng			<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 12A= $\frac{12A1}{12A2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	02			Xã Hùng Sơn (huyện Trảng Định), xã Tân Việt (huyện Văn Lãng) đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng
Chỉ số 13A= $\frac{13A1}{13A2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	02			Xã Hùng Sơn (huyện Trảng Định), xã Tân Việt (huyện Văn Lãng) đã lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương
Chỉ số 14A= $\frac{14A1}{14A2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	02			- Xã Hùng Sơn (huyện Trảng Định), xã Tân Việt (huyện Văn Lãng) đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ. - Năm 2014 thực hiện do tổ chức Oxfam tài trợ và Tổng cục Thủy lợi đơn vị đồng thực hiện.
Chỉ số 14B= $\frac{14AB1}{14B2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	02			- Xã Hùng Sơn (huyện Trảng Định), xã Tân Việt (huyện Văn Lãng) đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ - Năm 2014 thực hiện do tổ chức Oxfam tài trợ và Tổng cục Thủy lợi đơn vị đồng thực

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					hiện.	
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, và một số công cụ đo đạc tạo khác			
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	Huyện A:		Chưa có huyện nào được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án
				Huyện B:		
						
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	Huyện A:		Chưa có xã nào được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án
				Xã A:		
				Xã B:		
						
			Huyện B:	Xã A:		
				Xã B:		
Chỉ số 16A1	Số lượng tính có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Tính có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Chưa có			Văn phòng Ban chỉ huy PCLB và TKCN của tỉnh đặt trụ sở tại Chi cục thủy lợi.
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (17A1)	0			Chỉ có hệ thống loa truyền thanh

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (17A2)	Số lượng			
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %		Huyện A Xã A; Xã B; Huyện B Xã A; Xã B;	
Chỉ số 19A = $\frac{19A1}{19A2} \times 100\%$	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng			<Liệt kê xã có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng năm thực hiện kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %		Huyện A Xã A; Xã B; Huyện B Xã A; Xã B;	<Liệt kê xã xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ phòng chống và GNTT-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22A2)	5847	Nam: Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	01	Nam:		
			Nữ: 01		
			Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	01	Nam:		
			Nữ: 01		
			Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22D=22D1/22D2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
			Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22E=22E1/22E2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	1968	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22F=22F1/22F2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	huấn về QLRRTT	huấn về QLRRTT (22E1)		Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	337	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22F= $22F1/22F2 \times 100$ %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng	Nam: Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	249	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22G= $22G1/22G2 \times 100$ %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	Số lượng	Nam: Nữ: Nam: Nữ:		Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có trường đại học
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	01	Nam: 01 Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng			
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng			
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B: Huyện Văn Lăng	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %	01		
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %	01	Huyện Văn Lăng	
Chỉ số 22D=22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ: Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn		
		1968	Nam: Nữ:		

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tính đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D2)		Nữ:		
	Số lượng giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1)	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	337	Nam:		
			Nữ:		
	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	249	Nam:		
			Nữ:		
	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	0	Nam:		
			Nữ:		
	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam: 01		
			Nữ:		

Chi số 22E=
22E1/22E2*100
%

Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT

Chi số 22F=
22F1/22F2*100
%

Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT

Chi số 22G=
22G1/22G2*100
%

Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT

Chi số 23A

Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng	Huyện A: Huyện B:		
				Xã A: Xã B: ... Xã A: Xã B: ...		
	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	Huyện A: Xã A: Xã B: ... Huyện B: Xã A: Xã B: ...		
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa. (24A1)	Số lượng			
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100 %	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Tổng số các trường mầm non trên địa bàn tỉnh. (24A2)	213			
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100 %	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24B1)	Số lượng			
		Tổng số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)	248			
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24C1)	Số lượng			

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		229			
Chỉ số 24D= $24D1/24D2 \times 100$ %	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			
		24			
Chỉ số 24E= $24E1/24E2 \times 100$ %	Tỷ lệ các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			
		13			
Chỉ số 24F= $24F1/24F2 \times 100$ %	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			
		02			
Chỉ số 24G= $24G1/24G2 \times 100$ %	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
		Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)	0				
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng				
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng				
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng				
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng				

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)			
Chỉ số 27C= 27C1/27C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			<Kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh/thành phố cho hoạt động của Đề án>
Chỉ số 27D= 27D1/27D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	của huyện (ngành GD-ĐT)			
				Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã A: Xã B: 	
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %		
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C1) Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C2)	Số lượng		<Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án từ nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế>
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D1) Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D2)	Số lượng		
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA)	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của	Tỷ lệ %	Huyện A: Huyện B:	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)				
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 29C= $\frac{29C1}{29C2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			<Kinh phí thực hiện Đề án do người dân đóng góp>
Chỉ số 29D= $\frac{29D1}{29D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D2)	Số lượng			
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B: 	
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B: 	
Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	

